



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT : 028.38442414 – Fax : 028.38442387

Email : southernseed@ssc.con.vn



**DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**

TT	Danh mục tài liệu
1	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2022
2	Báo cáo của HĐQT năm 2022;
3	Báo cáo Ban Điều hành năm 2022;
4	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022
5	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;
6	Tờ trình quyết toán chi trả thù lao của HĐQT & BKS năm 2022 và phương án chi trả thù lao HĐQT & BKS năm 2023
7	Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2022
8	Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2023 & dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2023
9	Tờ trình ủy quyền cho BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023
10	Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025
11	Quy chế bầu cử bổ sung bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025
12	Thông tin ứng viên bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025
13	Hướng dẫn bầu cử
14	Báo cáo Tài chính năm 2022 (trích tóm tắt)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028.38442414 – Fax: 028.38442387

Email: southernseed@ssc.com.vn



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 (ngày 21/4/2023)

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	8:00 – 8:30	- Đăng ký cổ đông, tiếp đón khách mời;	Ban Tổ chức
		- Khai mạc (báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự, giới thiệu khách mời, chương trình Đại hội; đề cử Chủ tọa đoàn, Thư ký)	Ban Tổ chức
2	8:30 – 9:30	- Báo cáo HĐQT năm 2022;	Trần Kim Liên CT.HĐQT
		- Báo cáo Ban Điều hành năm 2022 & kế hoạch SXKD năm 2023;	Nguyễn Đình Nam TGD
		- Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2023	Phan Thế Tý TBKS
3	9:30 – 9:45	1. Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025 2. Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025 3. Hướng dẫn bầu cử	Nguyễn Đình Nam TGD
4	9:45 – 10:30	1. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; 2. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2022; 3. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 & phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2023; 4. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD 2023, dự kiến cổ tức năm 2023; 5. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023; 6. Thảo luận & biểu quyết các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ;	Lâm Tuấn Lạc KTT Công ty - Ban Kiểm phiếu
5	10:30-10:45	Nghỉ giải lao (15') Ban Kiểm phiếu làm việc	
6	10:45- 11:00	- Công bố kết quả bầu cử, biểu quyết các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ; - Thông qua dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022;	Chủ tọa đoàn
7	Từ 11:00	- Bế mạc ĐHĐCĐ;	Ban Tổ chức

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 & ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Phiên họp

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi	Tỷ lệ
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%
2	Ông Hàng Phi Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	7/7	100%
3	Ông Nguyễn Đình Nam	TV HĐQT	7/7	100%
4	Ông Bùi Quang Sơn	TV HĐQT	7/7	100%
5	Ông Dương Quang Sáu	TV HĐQT	7/7	100%

2. Nghị quyết

TT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	20/01/2022	- Phê duyệt bổ sung dự toán Dự án Trung tâm Nghiên cứu Lúa Cờ Đỏ
2	02/NQ-HĐQT	21/02/2022	Thông qua tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
3	03/NQ-HĐQT	21/02/2022	<div>1. Thông qua kết quả SXKD năm 2021</div> <div>- Doanh thu thuần: 310,4 tỷ đồng, đạt 68% so với cùng kỳ & đạt 116,5% so với kế hoạch</div> <div>- Lợi nhuận sau thuế: 54,5 tỷ đồng, bằng 111% so với cùng kỳ & bằng 112,4% so với kế hoạch</div> <div>2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022</div> <div>- Doanh thu thuần (tỷ đồng) : 372.831</div> <div>- Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) : 66.011</div> <div>- Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng): 52.809</div> <div>- Thông qua chiến lược chuyển đổi số theo định hướng của tập đoàn Vinaseed</div> <div>- Thông qua việc tiếp nhận lại Chi nhánh Trà Vinh do Vinarice chuyển giao cho SSC. Thời điểm nhận chuyển giao từ ngày 01/4/2022</div>

4	04/NQ-HĐQT	15/4/2022	Thông qua việc tái gia hạn hạn mức tín dụng vay vốn của Ngân hàng
5	05/NQ-HĐQT	22/4/2022	Thông qua việc xây dựng phương án khai thác quỹ đất, bố trí sản xuất tại CN Phú Giáo, CN Lâm Hà
6	06/NQ-HĐQT	22/4/2022	Thông qua phê duyệt giá trị xây lắp công trình sửa chữa, nâng mái Nhà máy Giồng cây trồng Cờ Đỏ
7	07/NQ-HĐQT	09/5/2022	Phê chuẩn Giám đốc CN miền Trung
8	08/NQ-HĐQT	03/6/2022	Thông qua việc thanh toán cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt
9	09/NQ-HĐQT	30/6/2022	Thông qua việc chấp thuận cho ông Lê Minh Chánh thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất để chuyển sang làm việc tại VRDC thuộc Tập đoàn Vinaseed
10	10/NQ-HĐQT	07/7/2022	Thông qua kết quả kinh doanh tính đến 6 tháng đầu năm 2022
			Yêu cầu Ban Điều hành hoàn tất Dự án Sản xuất ớt chuông (ớt ngọt) Công nghệ cao tại Chi nhánh Lâm Hà - Lâm Đồng,
			Yêu cầu Ban Điều hành hoàn tất phương án cải tạo, khai thác sử dụng đất Chi nhánh Phú Giáo,
11	11/NQ-HĐQT	07/7/2022	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2022
12	12/NQ-HĐQT	07/7/2022	Thông qua việc phê duyệt xử lý bán tận thu các lô giống gốc không đạt chất lượng tiêu chuẩn giống
13	13/NQ-HĐQT	01/8/2022	Phê chuẩn việc thành lập Phòng Marketing & kiện toàn nhân sự cấp quản lý
14	14/NQ-HĐQT	09/9/2022	Thông qua Dự án Sản xuất ớt chuông Lâm Hà, phương án cải tạo mới Chi nhánh miền Trung
15	15/NQ-HĐQT	17/10/2022	Thông qua phê duyệt chọn nhà thầu thi công công trình: Thiết kế và thi công xây dựng 6 nhà lưới tại Lâm Hà Dự án: Khu sản xuất ớt chuông công nghệ cao
16	16/NQ-HĐQT	04/11/2022	Thông qua kết quả kinh doanh tính đến 9 tháng đầu năm 2022
			Dự kiến kế hoạch kinh doanh Quý 4/2022
			Ước thực hiện kết quả kinh doanh cả năm 2022
			Yêu cầu Ban Điều hành có phương án khai thác hiệu quả sử dụng đất tại Chi nhánh Lâm Hà, Chi nhánh Phú Giáo
17	17/NQ-HĐQT	04/11/2022	Phê duyệt dự toán cải tạo sửa chữa Nhà máy Giồng cây trồng Hà Nội tại Khu công nghiệp Phố Nối A, tỉnh Hưng Yên
18	18/NQ-HĐQT	21/11/2022	Phê duyệt điều chỉnh dự toán cải tạo sửa chữa Nhà máy Giồng cây trồng Hà Nội tại Khu công nghiệp Phố Nối A, tỉnh Hưng Yên

3. Chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, điều hành SXKD của Ban Tổng Giám đốc và việc triển khai các Nghị quyết ĐHCĐ Thường niên, Nghị quyết HĐQT trong năm 2022.

- ✓ Phương thức giám sát:
 - Giám sát thông qua các báo cáo tại phiên họp HĐQT (trong năm 2022, các phiên họp HĐQT trực tiếp & trực tuyến).
 - Tiểu ban quản trị, nhân sự và pháp chế; Tiểu ban Đầu tư: Giám sát các khía cạnh tài chính,

quản trị rủi ro, kiểm soát tính tuân thủ trong các phương án đầu tư, kinh doanh.

- Năm 2022 - HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp, các phiên họp đều mở rộng có sự tham gia của BKS, Ban TGD đưa ra các quyết nghị định hướng cho Ban Điều hành triển khai; ngoài ra, HĐQT cũng đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 18 nghị quyết, quyết định liên quan đến các vấn đề trọng yếu thuộc HĐQT.

Hoạt động giám sát:

- + Chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT;
- + Chủ trì thành công ĐHĐCĐ thường niên 22/04/2022;
- + Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ BCTC quý, bán niên, BCTC năm 2022;
- + Giám sát thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo quy định UBCK, Sở GDCK TP.HCM,
- + Giám sát, hỗ trợ hoạt động Ban điều hành nâng cao hiệu quả đầu tư, SXKD, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong điều hành.

Kết quả giám sát: Qua chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT đánh giá Ban điều hành:

- ✓ Đã nỗ lực rất lớn trong hoàn cảnh khó khăn chung của ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong hoàn cảnh dịch Covid ảnh hưởng trực tiếp đến SXKD của Công ty.
- ✓ Tuân thủ thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế công ty, thực thi công việc đúng chức năng, thẩm quyền, phân cấp quản trị.

4. Hoạt động của Tiểu ban HĐQT

- Thảo luận xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022;
- Chỉ đạo xây dựng Chiến lược kinh doanh 2022-2026;
- Giám sát việc thi công Dự án Trung tâm Nghiên cứu Lúa tại Chi nhánh Cờ Đỏ;
- Thảo luận việc tiếp nhận lại Chi nhánh Trà Vinh do Vinarice chuyển giao cho SSC;
- Xây dựng phương án khai thác quỹ đất, bố trí sản xuất tại CN Phú Giáo, CN Lâm Hà;
- Thảo luận thông qua cải tạo Nhà máy Chế biến Giống cây trồng Hà Nội;
- Thảo luận thông qua cải tạo Chi nhánh miền Trung

a. Tiểu ban Khoa học và Công nghệ

- Thảo luận định hướng chiến lược và giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh;
- Thảo luận việc mua một số giống bản quyền phục vụ cho kinh doanh khu vực miền Trung;
- Thảo luận với đối tác Dự án đầu tư sản xuất ớt chuông tại Chi nhánh Lâm Hà;
- Thảo luận việc mua hệ thống dây chuyền công nghệ, thiết bị chế biến cho Chi nhánh Cờ Đỏ;
- Giám sát kế hoạch chuyển đổi số của SSC theo Chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn;

b. Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng:

- Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2022;
- Thảo luận quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 & phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022;
- Thảo luận việc đề cử người của SSC tham gia nhân sự vào HĐQT của Pan Hulic;
- Thảo luận kiện toàn nhân sự cấp quản lý của Công ty;
- Thảo luận về kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022;
- Thảo luận đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của SSC;

PHẦN II
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN

A. TỔNG QUAN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM 2022

❖ **Thuận lợi:**

- Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước đạt 8,02%, trong đó ngành nông nghiệp tăng trưởng đạt 2,88%, đóng góp 0,27% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế.
- Chiến tranh Nga – Ukraina dẫn đến lạm phát ở một số nước;

❖ **Khó khăn:**

- Năm 2022, khó khăn do ảnh hưởng của hậu dịch Covid-19, xung đột Nga và Ukraina làm đứt gãy các chuỗi cung ứng sản xuất và tiêu dùng toàn cầu; nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất như xăng dầu, phân bón, thức ăn chăn nuôi tăng cao;
- Tác động biến đổi khí hậu, sản xuất gặp rất nhiều khó khăn do đầu năm hạn hán, xâm nhập mặn:
 - o Giá cả vật tư, công lao động tăng, giá nông sản biến động ảnh hưởng đến tâm lý người dân dẫn đến chuyển đổi cơ cấu cây trồng, biến động diện tích gieo trồng.
 - o Biến đổi khí hậu làm mưa kéo dài hơn mọi năm, gây ảnh hưởng đến vùng sản xuất bắp giống.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Kết quả kinh doanh năm 2022:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM	TH	CK	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	372.831	300.268	310.442	80,54%	96,72%
Lợi nhuận trước thuế (riêng SSC)	Trđ	66.011	63.740	56.011	96,56%	113,80%
Lợi nhuận sau thuế (riêng SSC)	Trđ	52.809	50.665	44.547	95,94%	113,73%
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất VNR)	Trđ	62.709	50.665	54.447	80,79%	93,05%
ROS (LN/DT)	%	14,16%	16,87%	14,35%	119,13%	117,59%
Tổng tài sản	Trđ	-	526.958	514.432		102,43%
ROA	%	-	9,61%	8,66%		111,03%
Vốn CSH	Trđ	-	379.201	373.631		101,49%
ROE	%	-	13,36%	11,92%		112,06%
EBIT	Trđ	-	63.740	65.911		96,71%
Khấu hao	Trđ	-	9.511	9.964		95,46%
EBITDA	Trđ	-	73.251	75.875		96,54%
EPS	Đ/cp	-	3.512	3.774		93,06%

2. Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022: Thực hiện 17,976 tỷ đồng. Bao gồm:

(Đvt: Triệu đồng)

TT	Hạng mục 2022	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ	Ghi chú
I	Dự án cải tạo, xây dựng	600,000,000	666,976,424	111.16%	Hoàn thành

TT	Hạng mục 2022	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ	Ghi chú
	Trung Tâm Nghiên Cứu và Phát Triển Cờ Đỏ				
1	Nội thất văn phòng	400,000,000	605,600,824	151.40%	
2	Cây xanh	200,000,000	61,375,600	30.69%	
II	Chi nhánh Cờ Đỏ	3,715,572,190	3,052,882,900	82,16%	
2	Hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi - CN Cờ Đỏ	1,049,793,300	699,862,200	66.67%	Hoàn thành
3	Chi phí sửa chữa lớn	2,665,778,890	2,353,020,700	88.27%	Hoàn thành
III	Chi nhánh Phú Giáo	1,835,400,000	722,933,500	39.39%	
1	Làm mới nhà ở Nhân công lao động	560,000,000		0.00%	
2	Nhà vệ sinh cho công nhân lao động	84,000,000		0.00%	
3	Làm nhà điều hành hệ thống tưới nhà cấp 4, giếng khoan, Làm hồ chứa nước hệ thống tưới	336,000,000	94,303,500	28.07%	
4	Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động, châm phân, bù áp (8 ha)+ Nhà điều hành, giếng khoan, hồ chứa, bạt HDPE	720,000,000		0.00%	
5	Hàng rào lưới B40	135,400,000	628,630,000	464.28%	Hoàn thành
IV	Chi nhánh Củ Chi	1,100,000,000	752,757,957	68.43%	
1	Chi phí sửa chữa lớn	1,100,000,000	752,757,957	68.43%	Hoàn thành
V	Chi nhánh Miền Trung	1,165,000,000	874,489,820	75.06%	
1	Chi phí sửa chữa lớn	400,000,000	130,589,820	32.65%	
2	Xe ô tô bán tải	765,000,000	743,900,000	97.24%	Hoàn thành
VI	Nhà máy chế biến hạt Giống rau (CTVS)	700,000,000	330,000,000	47.14%	
	Máy Coating hạt giống	700,000,000	330,000,000	47.14%	Máy đóng gói BTĐ
VII	Trụ sở công ty	3,057,196,000	2,250,503,800	73.61%	
1	Phần mềm kế toán + tồn kho, bán hàng	550,000,000	423,320,000	76.97%	
2	PM QLKH (CRM) và HT QL phân phối (DMS)	950,000,000	570,000,000	60.00%	

TT	Hạng mục 2022	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ	Ghi chú
3	Bản quyền Hệ thống phần mềm được cài đặt trên hệ thống khách hàng + Triển khai (Hệ thống FPT SPRO)	792,196,000	513,283,800	64.79%	
4	Xe ô tô bán tải	765,000,000	743,900,000	97.24%	
VIII	CNLH	9,232,960,149	5,356,781,645	58,02%	
1	Nhà màng, hệ treo, bạt trải địa.	6,467,234,000	4,527,063,800	70.00%	
2	Xây dựng đường, hồ chứa nước,...	1,821,815,000	546,544,500	30.00%	
3	Hệ thống tưới.	943,911,149	283,173,345	30.00%	
IX	Nhà máy Hưng Yên	7,477,448,057	3,968,969,700	53.08%	
1	Cải tạo nhà máy Hưng Yên	6,283,351,160	3,468,297,000	55.20%	
2	Trạm biến áp 620 KVA	1,194,096,897	500,672,700	41.93%	
TỔNG CỘNG		28.883,576,396	17,976,295,746	62,24%	

3. Chi trả cổ tức trong năm 2022:

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/4/2022, SSC đã chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, tỷ lệ cổ tức: 30%/vốn điều lệ.

4. Quản trị doanh nghiệp:

- a. Tái cấu trúc tổ chức, nhân sự Công ty theo hướng tinh gọn và nâng cao hiệu quả hoạt động:
 - + Thành lập Phòng Marketing, từ tháng 8/2022;
 - + Tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, nhân sự cho phù hợp với quy mô thị trường, sản phẩm.
- b. Tập trung đổi mới, cải tiến hệ thống quy chế (ban hành mới, sửa đổi bổ sung Quy chế Quản lý chất lượng, Quy chế khoán sản xuất giống trong đất Chi nhánh, Quy chế Quản lý Hành chính). Các quy chế, quy định có sự tham khảo, kế thừa giữa các công ty thành viên trong Tập đoàn Vinaseed.
- c. Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực được quan tâm;
- d. Triển khai đồng bộ tin học hóa trong công tác quản trị, áp dụng rộng rãi hình thức họp trực tuyến phù hợp trong điều kiện bối cảnh dịch bệnh Covid 19 làm thay đổi phương thức họp trực tiếp.

5. Đánh giá chung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022:

- ❖ Trong điều kiện năm 2022 gặp rất nhiều khó khăn về thị trường & sản phẩm. SSC đã tận dụng cơ hội nhưng chỉ hoàn thành kế hoạch kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao, tỷ lệ cụ thể như sau:
 - Doanh thu: 300,26 tỷ đồng, bằng 81% kế hoạch
 - Lợi nhuận sau thuế: 50,67 tỷ đồng, bằng 96% kế hoạch
- ❖ Thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế, thực thi đúng chức năng, phân cấp quản trị.

PHẦN III
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Mục tiêu Kinh doanh năm 2023:

(ĐVT : triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	373,72	300,26	124%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	64,336	63,74	101%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	51,47	50,66	102%

Năm 2023, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dựa trên kết quả thực hiện của năm 2022 và tăng trưởng lợi nhuận sau thuế tăng 2% so với năm 2022.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2023

TT	ĐẦU TƯ XDCB 2023	Kế hoạch (đ)	Nguồn vốn	Ghi chú
I	Chi nhánh Cờ Đỏ 1. Hệ thống chế biến hạt giống 15 tấn/h - Máy nén khí 2. Dây cáp kéo từ Trạm hạ thế đến hệ thống	811.944.000	Vốn chủ sở hữu	Thực hiện tiếp tục của Hợp đồng năm 2022 chuyển sang
II	Chi nhánh Lâm Hà 1. Nhà màng, hệ thống treo, bạt trái địa 2. Xây dựng đường, hồ chứa nước 3. Hệ thống tưới	3.876.178.504		Thực hiện tiếp tục của Hợp đồng năm 2022 chuyển sang
III	Chi nhánh Miền Trung 1. Cải tạo Chi nhánh 2. Lò sấy vĩ ngang (90 tấn/mẻ)	7.203.329.000		Thực hiện mới
IV	Nhà máy chế biến hạt giống Hưng Yên 1. Cải tạo Nhà máy 2. Trạm biến áp 620 KVA	3.508.478.357		Thực hiện tiếp tục của Hợp đồng năm 2022 chuyển sang
TỔNG CỘNG		15.399.929.861		

✓ **Tổng giá trị đầu tư là: 15.399.929.861 đồng**

(Ghi chú : Chi tiết các hạng mục đầu tư/ cải tạo, sửa chữa được TGD trình trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023)

3. Mục tiêu quản trị:

- Tăng trưởng sản phẩm chủ lực (bắp, rau, đậu) có tỷ suất lợi nhuận cao, để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm bình quân 20%;
- Triển khai áp dụng chuyển đổi số, số hóa các dữ liệu trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp để tiết kiệm chi phí, giảm thiểu rủi ro;
- Kiểm soát các chi phí hoạt động; quản lý dòng tiền hiệu quả;
- Kiểm soát chất lượng hàng hóa, không để xảy ra thiệt hại, rủi ro cho Công ty;
- Hoàn thiện đồng bộ quy chế, tăng cường kiểm soát chấp hành quy chế;

Trân trọng báo cáo!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

PHẦN 1: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Tình hình Kinh tế - Xã hội

- Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước đạt 8,02%, trong đó ngành nông nghiệp tăng trưởng đạt 2,88%, đóng góp 0,27% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế.
- Chiến tranh dẫn đến lạm phát ở một số nước;

a. Thuận lợi:

- Chính phủ và Bộ NN & PTNT quyết liệt hành động với các giải pháp cơ cấu lại ngành, đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung nguồn lực đầu tư toàn xã hội góp phần đảm bảo ổn định sản xuất nông nghiệp;
- Thương hiệu SSC đã được nông dân và đại lý đánh giá cao;
- Sản phẩm được nông dân và đại lý ủng hộ, tin dùng;
- Được sự ủng hộ của chính quyền địa phương, sự hợp tác của các đại diện sản xuất và sự đồng lòng của toàn bộ cán bộ nhân viên.

b. Khó khăn:

- Tác động biến đổi khí hậu, sản xuất gặp rất nhiều khó khăn do đầu năm hạn hán, xâm nhập mặn, thời vụ muộn;
- Giá cả vật tư, công lao động tăng, giá nông sản biến động ảnh hưởng đến tâm lý người dân => chuyển đổi cơ cấu cây trồng, biến động diện tích gieo trồng.
- Biến đổi khí hậu làm mưa kéo dài hơn mọi năm, nông dân chuyển sang làm lúa, gây ảnh hưởng đến vùng sản xuất bắp giống;
- Sức mua thấp: Hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm, nông sản không xuất khẩu được, giá nông sản giảm mạnh dẫn đến sản xuất đình trệ.

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM	TH	CK	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	372.831	300.268	310.442	80,54%	96,72%
Chênh lệch giá	Trđ	134.985	115.864	109.043	85,83%	106,26%
Chi phí BH	Trđ	31.691	27.761	28.306	87,60%	98,07%

CFBH/DT	%	8,5%	9,2%	9,1%	108,77%	101,40%
Chi phí QL	Trđ	37.283	36.029	30.113	96,64%	119,64%
CFQL/DT	%	10,00%	12,00%	9,70%	119,99%	123,70%
Lợi nhuận trước thuế (riêng SSC)	Trđ	66.011	63.740	56.011	96,56%	113,80%
Lợi nhuận sau thuế (riêng SSC)	Trđ	52.809	50.665	44.647	95,94%	113,48%
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất VNR)	Trđ	62.709	50.665	54.447	80,79%	93,05%
ROS (LN/DT)	%	14,16%	16,87%	14,38%	119,13%	117,32%
Tổng tài sản	Trđ	-	526.958	514.432	-	102,43%
ROA	%	-	9,61%	10,58%	-	90,84%
Vốn CSH	Trđ	-	379.201	373.631	-	101,49%
ROE	%	-	13,36%	14,57%	-	91,69%
Chi phí lãi vay	Trđ	-	-	-	-	-
EBIT	Trđ	-	63.740	65.911	-	96,71%
Khấu hao	Trđ	-	9.511	9.964	-	95,46%
EBITDA	Trđ	-	73.251	75.875	-	96,54%
EPS	Đ/cp	-	3.512	3.774	-	93,06%

✓ **ĐIỂM LÀM ĐƯỢC:**

1. Bước đầu xây dựng được mạng lưới thương lái, kênh cấp 2 cho nhóm rau màu chủ lực;
2. Bám sát mục tiêu kinh doanh, chủ động luân chuyển bán hàng, kiểm soát khá tốt hàng tồn kho và điều phối hàng hóa;
3. Công tác phát triển sản phẩm có tập trung, chọn lọc theo sản phẩm chiến lược;
4. Tranh thủ liên kết với các Trung tâm nghiên cứu, Viện, Trường để khảo nghiệm đánh giá sản phẩm mới.

✓ **ĐIỂM TỒN TẠI:**

1. Công tác lập kế hoạch kinh doanh và PTSP mới chưa sát tình hình thị trường;
2. Công tác triển khai trình diễn hội thảo, phát triển sản phẩm mới còn yếu, lực lượng cán bộ mỏng;
3. Kỹ năng đánh giá sản phẩm và thuyết phục khách hàng còn yếu;
4. Mạng lưới phân phối và hệ thống thương lái có cải thiện nhưng chưa đáp ứng được mục tiêu tăng trưởng và yêu cầu thị trường;
5. Chính sách bán hàng, công nợ, chính sách thương lái chưa linh hoạt;
6. Chưa phát triển được sản phẩm rau màu chủ lực cho từng vùng thị trường;
7. Thiếu cơ chế để khuyến khích phát triển sản phẩm mới;

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Tiêu chí	2022	2021	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng 2022
1	Tài sản ngắn hạn	327.580	324.658	101%	62%
2	Tài sản dài hạn	199.378	189.774	105%	38%
Tổng tài sản		526.958	514.432		100%

Tổng tài sản Công ty năm 2022 tuy tăng so với năm 2021 nhưng không đáng kể. Cụ thể, tài sản ngắn hạn tăng 101% đạt 2.922 triệu đồng chủ yếu do hàng tồn kho của Công ty tăng, các khoản phải thu khác tăng trong khi tiền và các khoản tương đương tiền giảm. Tài sản dài hạn tăng 105% đạt 9.604 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 38% trong cơ cấu tài sản Công ty năm 2022.

b. Tình hình nợ phải trả

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Tiêu chí	2022	2021	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	147.758	140.801	105%
2	Nợ dài hạn			
	Tổng nợ	147.758	140.801	105%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, Công ty không sử dụng nợ dài hạn trong cả hai năm 2021 và 2022. Khoản mục nợ ngắn hạn tăng 5% đạt 6.957 triệu đồng, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất khoản mục phải trả ngắn hạn khác chiếm 69% chủ yếu liên quan đến khoản phải trả dự án Khu đất Lê Văn Sỹ.

c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2022	2021
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,22	2,31
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,89	2,02
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	28,04%	27,37%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	38,97%	37,68%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	3,77	5,05
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Lần	0,56	0,63
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2022	2021
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,87%	14,35%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	13,50%	12,67%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	9,52%	9,01%
4	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	19,28%	20,30%

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2022, những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý mà Công ty đã đạt được như sau:

a. Cơ cấu tổ chức:

- Thành lập Phòng Marketing từ tháng 8/2023;
- Chuyển hoạt động sản xuất lúa thuần giao cho CN Cờ Đỏ quản lý; Sắp xếp, định biên lại lao động các đơn vị, bổ nhiệm thay đổi cán bộ quản lý đáp ứng theo yêu cầu phát triển Công ty;

b. Công tác quản lý Công ty:

- Hệ thống quy chế được ban hành thống nhất và đầy đủ;
- Tăng cường đào tạo kỹ năng quản lý cho cán bộ cấp trung;
- Triển khai phần mềm chuyển đổi số Fast, DMS-CRM, SPRO;
- Xây dựng bổ sung định mức khoán sản xuất; kiểm soát chi phí giá thành sản xuất;
- Chính sách hoạt động: Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất ổn định.

5. Kết quả Đầu tư, xây dựng cơ bản: Thực hiện 17,976 tỷ đồng, Bao gồm:

(ĐVT: triệu đồng)

TT	Hạng mục 2022	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ	Ghi chú
I	Dự án cải tạo, xây dựng Trung Tâm Nghiên Cứu và Phát Triển Cờ Đỏ	600,000,000	666,976,424	111.16%	Hoàn thành
1	Nội thất văn phòng	400,000,000	605,600,824	151.40%	
2	Cây xanh	200,000,000	61,375,600	30.69%	
II	Chi nhánh Cờ Đỏ	3,715,572,190	3,052,882,900	82,16%	
1	Hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi - CN Cờ Đỏ	1,049,793,300	699,862,200	66.67%	Hoàn thành

TT	Hạng mục 2022	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ	Ghi chú
2	Chi phí sửa chữa lớn	2,665,778,890	2,353,020,700	88.27%	Hoàn thành
III	Chi nhánh Phú Giáo	1,835,400,000	722,933,500	39.39%	
1	Làm mới nhà ở Nhân công lao động (Nhà ở quy cách 10 phòng kích thước 4m x 4m x 10 = 160 m ²) - Nhà móng BTCT, xây tường gạch ống, mái lợp tole	560,000,000		0.00%	
2	Nhà vệ sinh cho công nhân lao động chung (kích thước 4m x 6m = 24 m ²)	84,000,000		0.00%	
3	Làm nhà điều hành hệ thống tưới nhà cấp 4 (5m x 10m), giếng khoan, Làm hồ chứa nước hệ thống tưới dung lượng 1400 m ³ , bạt HDPE 0.75mm lót hồ diện tích 1100m ²	336,000,000	94,303,500	28.07%	
4	Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động, châm phân, bù áp (8 ha)+ Nhà điều hành, giếng khoan, hồ chứa, bạt HDPE	720,000,000		0.00%	
5	Hàng rào lưới B40 3mm khổ 1,5 m dài 2258 m	135,400,000	628,630,000	464.28%	Hoàn thành
IV	Chi nhánh Củ Chi	1,100,000,000	752,757,957	68.43%	
1	Chi phí sửa chữa lớn	1,100,000,000	752,757,957	68.43%	Hoàn thành
V	Chi nhánh Miền Trung	1,165,000,000	874,489,820	75.06%	
1	Chi phí sửa chữa lớn	400,000,000	130,589,820	32.65%	
2	Xe ô tô bán tải	765,000,000	743,900,000	97.24%	Hoàn thành
VI	Nhà máy chế biến hạt Giống rau (CTVS)	700,000,000	330,000,000	47.14%	
	Máy Coating hạt giống	700,000,000	330,000,000	47.14%	Máy đóng gói BTĐ
VII	Trụ sở công ty	3,057,196,000	2,250,503,800	73.61%	
1	Phần mềm kế toán + tồn kho, bán hàng	550,000,000	423,320,000	76.97%	
2	PM QLKH (CRM) và HT QL phân phối (DMS)	950,000,000	570,000,000	60.00%	
3	Bản quyền Hệ thống phần mềm được cài đặt trên hệ thống khách hàng + Triển khai (Hệ thống	792,196,000	513,283,800	64.79%	

TT	Hạng mục 2022	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ	Ghi chú
	FPT SPRO)				
4	Xe ô tô bán tải	765,000,000	743,900,000	97.24%	
VIII	CNLH	9,232,960,149	5,356,781,645	58,02%	
1	Nhà màng, hệ treo, bạt trái địa.	6,467,234,000	4,527,063,800	70.00%	
2	Xây dựng đường, hồ chứa nước,...	1,821,815,000	546,544,500	30.00%	
3	Hệ thống tưới.	943,911,149	283,173,345	30.00%	
IX	Nhà máy Hưng Yên	7,477,448,057	3,968,969,700	53.08%	
1	Cải tạo nhà máy Hưng Yên	6,283,351,160	3,468,297,000	55.20%	
2	Trạm biến áp 620 KVA	1,194,096,897	500,672,700	41.93%	
TỔNG CỘNG		28,883,576,396	17,976,295,746	62,24%	

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2023

1. Kế hoạch kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ % 2022/2021
1. Khối lượng	Tấn	16.232	15.948	102%
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	373.725	300.268	124%
3. Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	119.738	115.541	104%
4. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	64.336	63.740	101%
5. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	51.469	50.665	102%

Năm 2023, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dựa trên kết quả thực hiện của năm 2022 và tăng trưởng lợi nhuận sau thuế tăng 2% so với năm 2022.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2023

TT	ĐẦU TƯ XDCB 2023	Kế hoạch (đ)	Nguồn vốn	Ghi chú
I	Chi nhánh Cờ Đỏ 1. Hệ thống chế biến hạt giống 15 tấn/h - Máy nén khí 2. Dây cáp kéo từ Trạm hạ thế đến hệ thống	811.944.000	Vốn chủ sở hữu	Thực hiện tiếp tục của Hợp đồng năm 2022 chuyển sang
II	Chi nhánh Lâm Hà 1. Nhà màng, hệ thống treo, bạt trái địa 2. Xây dựng đường, hồ chứa nước 3. Hệ thống tưới	3.876.178.504		Thực hiện tiếp tục của Hợp đồng năm 2022 chuyển sang
III	Chi nhánh Miền Trung 1. Cải tạo Chi nhánh 2. Lò sấy vĩ ngang (90 tấn/mẻ)	7.203.329.000		Thực hiện mới

TT	ĐẦU TƯ XDCB 2023	Kế hoạch (đ)	Nguồn vốn	Ghi chú
IV	Nhà máy chế biến hạt giống Hưng Yên <i>1. Cải tạo Nhà máy</i> <i>2. Trạm biến áp 620 KVA</i>	3.508.478.357		Thực hiện tiếp tục của Hợp đồng năm 2022 chuyển sang
TỔNG CỘNG		15.399.929.861		

✓ **Tổng giá trị đầu tư là: 15.399.929.861 đồng**

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Công tác kinh doanh

✓ Nhóm lúa thuần:

- Duy trì sản phẩm bản quyền từ 80% trở lên của chiến lược để đảm bảo lợi nhuận;
- Dự báo tốt thị trường để điều chỉnh cơ cấu phù hợp cho SXKD;
- Linh hoạt chính sách bán hàng để thu hút khách hàng tập trung tiêu thụ;
- Phối hợp với đại lý, công ty thu mua nông sản, tổ chức hội thảo để giới thiệu các giống lúa Đài Thơm 8, Hương Châu 6 và VN121;
- Chăm sóc khách hàng chiến lược.

✓ Nhóm lúa lai:

- HR182, KC06-1 tiêu thụ tốt ở Bán đảo Cà Mau trên vùng đất lúa tôm;

✓ Bắp vàng:

- Tăng cường công tác marketing cho thị trường Campuchia.
- Quảng bá bắp sinh khối SSC 586 cho các trang trại chăn nuôi bò,

✓ Bắp nếp – bắp ngọt:

- Quảng bá CX247 Super; MX10 New, Max 68 & SSC 287;
- Linh hoạt chính sách bán hàng MX4, MX6, MX10;
- Phát triển giống Darling 10;

✓ Nhóm rau - đậu:

- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để khảo nghiệm nhập nội những giống rau lai mới;
- Phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu của Tập đoàn (VRDC) để đưa ra các giống mới phù hợp thị hiếu, nhằm tăng sản phẩm kinh doanh.
- Đậu xanh 208 linh hoạt chính sách để dẫn dắt thị trường phía Nam và Campuchia.

b. Công tác sản xuất

- Tăng cường huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng và khả năng dự báo, dự đoán rủi ro, cũng như sự năng động, linh hoạt trong sản xuất;
- Củng cố và khai thác hiệu quả nguồn lực của CN Phú Giáo; CN Lâm Hà, thông qua quy hoạch cải tạo đất và đầu tư công nghệ canh tác mới hiệu quả hơn;

- Quan tâm hơn đến chất lượng và cách xử lý hạt giống gốc/giống bố mẹ trước khi xuất cho sản xuất;
- Cải tiến phương thức, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng công lao động tại các chi nhánh.
- Triển khai dự án sản xuất ớt chuông tại Chi nhánh Lâm Hà.

c. Công tác QLCL - CBBQ

- Phối hợp với các đơn vị sản xuất kiểm soát chất lượng thu mua tại đồng ruộng;
- Kiểm tra kiểm soát và báo cáo tính tuân thủ các quy trình quy định trong chế biến, bảo quản tại các đơn vị;
- Thường xuyên rà soát quy định, quy trình, hệ thống tài liệu, biểu mẫu để cải tiến kịp thời biểu mẫu dữ liệu đầy đủ các công đoạn giúp xử lý số liệu nhanh, cảnh báo kịp thời rủi ro các lô giống bất thường;
- Thường xuyên tập huấn, đào tạo nội bộ để nâng cao tay nghề công nhân, nhân viên giúp công tác hỗ trợ tốt hơn khi vào giai đoạn cao điểm.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 22/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Ban Kiểm soát trình trước Đại hội cổ đông Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát hoạt động, tình hình thực hiện và tuân thủ Nghị quyết; điều lệ, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước năm 2022.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ Ban Kiểm soát theo Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Năm 2022, BKS đã tiến hành họp và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch tài chính theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và giám sát việc tuân thủ điều lệ, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước tại trụ sở chính và các Chi nhánh trực thuộc.

Các hoạt động kiểm soát năm 2022 như sau:

1. Kiểm tra tính trung thực, hợp pháp, hợp lý và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành và hoạt động đầu tư; tính nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính;
2. Kiểm tra việc ban hành, tuân thủ các định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty trong hoạt động sản xuất, chế biến bảo quản, kinh doanh;
3. Rà soát kiểm tra, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro;
4. Xem xét hồ sơ chứng từ, sổ kế toán, việc ghi chép kế toán và các tài liệu khác; phỏng vấn các cán bộ quản lý, người lao động trực tiếp trong quá trình làm việc của Ban Kiểm soát ;
5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp của báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính năm của Công ty;

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu kiểm tra bất thường nào đối với hoạt động của Công ty.

Các phiên họp của Ban Kiểm soát:

Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu bổ nhiệm	Tham dự	Tỷ lệ
Phan Thế Tỷ	Trưởng BKS	25/4/2015	4	100%

Nguyễn Thị Thanh Hà	TV BKS	25/6/2020	4	100%
Văn Thị Ngọc Ánh	TV BKS	23/4/2021	4	100%

Các biên bản họp Ban Kiểm soát

01	BKS2022-01	05/04/2021	Tổng kết làm việc định kỳ 6 tháng cuối năm 2022, thống nhất báo cáo của BKS với HĐQT, Ban TGD và trình ĐH Cổ đông thường niên
02	BKS2022-02	17/02/2022	Thống nhất báo cáo kết quả làm việc của BKS với HĐQT và Ban TGD
03	BKS2022-03	25/03/2022	Tổng kết công tác hoạt động của Ban năm 2022; thống nhất báo cáo của BKS với HĐQT, Ban TGD và trình ĐH cổ đông thường niên

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM	TH	CK	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	372.831	300.268	310.442	80,54%	96,72%
Lợi nhuận trước thuế (riêng SSC)	Trđ	66.011	63.740	56.011	96,56%	113,80%
Lợi nhuận sau thuế (riêng SSC)	Trđ	52.809	50.665	44.647	95,94%	113,48%
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất VNR)	Trđ	62.709	50.665	54.447	80,79%	93,05%

Năm 2022, Công ty thực hiện không đạt mục tiêu kinh doanh theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 giao về doanh thu nhưng lợi nhuận đạt gần tương đương cùng kỳ.

2. Hoạt động đầu tư và đầu tư xây dựng cơ bản 2022.

- Công tác đầu tư XDCB (bao gồm cả cải tạo, sửa chữa), mua sắm thiết bị được thực hiện đúng quy định của Công ty và pháp luật, hồ sơ rõ ràng, chất lượng tài sản đảm bảo đúng hợp đồng đã ký với nhà thầu; các hạng mục công trình đầu tư năm 2022 như sau:

TT	Hạng mục 2022	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ	Ghi chú
I	Dự án cải tạo, xây dựng Trung Tâm Nghiên Cứu và Phát Triển Cờ Đỏ	600,000,000	666,976,424	111.16%	Hoàn thành
1	Nội thất văn phòng	400,000,000	605,600,824	151.40%	
2	Cây xanh	200,000,000	61,375,600	30.69%	
II	Chi nhánh Cờ Đỏ	3,715,572,190	3,052,882,900	82,16%	
1	Hệ thống nhập liệu (nhập xá) lúa tươi lên bin sấy và bồn chứa lúa tươi - CN Cờ Đỏ	1,049,793,300	699,862,200	66.67%	Hoàn thành

TT	Hạng mục 2022	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ	Ghi chú
2	Chi phí sửa chữa lớn	2,665,778,890	2,353,020,700	88.27%	Hoàn thành
III	Chi nhánh Phú Giáo	1,835,400,000	722,933,500	39.39%	
1	Làm mới nhà ở Nhân công lao động (Nhà ở quy cách 10 phòng kích thước 4m x 4m x 10 = 160 m ²) - Nhà móng BTCT, xây tường gạch ống, mái lợp tole	560,000,000		0.00%	
2	Nhà vệ sinh cho công nhân lao động chung (kích thước 4m x 6m = 24 m ²)	84,000,000		0.00%	
3	Làm nhà điều hành hệ thống tưới nhà cấp 4 (5m x 10m), giếng khoan, Làm hồ chứa nước hệ thống tưới dung lượng 1400 m ³ , bạt HDPE 0.75mm lót hồ diện tích 1100m ² ,	336,000,000	94,303,500	28.07%	
4	Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động, châm phân, bù áp (8 ha)+ Nhà điều hành, giếng khoan, hồ chứa, bạt HDPE	720,000,000		0.00%	
5	Hàng rào lưới B40 3mm khổ 1,5 m dài 2258 m	135,400,000	628,630,000	464.28%	Hoàn thành
IV	Chi nhánh Củ Chi	1,100,000,000	752,757,957	68.43%	
1	Chi phí sửa chữa lớn	1,100,000,000	752,757,957	68.43%	Hoàn thành
V	Chi nhánh Miền Trung	1,165,000,000	874,489,820	75.06%	
1	Chi phí sửa chữa lớn	400,000,000	130,589,820	32.65%	
2	Xe ô tô bán tải	765,000,000	743,900,000	97.24%	Hoàn thành
VI	Nhà máy chế biến hạt Giống rau (CTVS)	700,000,000	330,000,000	47.14%	
	Máy Coating hạt giống	700,000,000	330,000,000	47.14%	Máy đóng gói BTĐ
VII	Trụ sở công ty	3,057,196,000	2,250,503,800	73.61%	
1	Phần mềm kế toán + tồn kho, bán hàng	550,000,000	423,320,000	76.97%	
2	PM QLKH (CRM) và HT QL phân phối (DMS)	950,000,000	570,000,000	60.00%	
3	Bản quyền Hệ thống phần mềm được cài đặt trên hệ thống khách hàng + Triển khai (Hệ thống	792,196,000	513,283,800	64.79%	

TT	Hạng mục 2022	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ	Ghi chú
	FPT SPRO)				
4	Xe ô tô bán tải	765,000,000	743,900,000	97.24%	
VIII	CNLH	9,232,960,149	5,356,781,645	58,02%	
1	Nhà màng, hệ treo, bạt trải địa.	6,467,234,000	4,527,063,800	70.00%	
2	Xây dựng đường, hồ chứa nước,...	1,821,815,000	546,544,500	30.00%	
3	Hệ thống tưới.	943,911,149	283,173,345	30.00%	
IX	Nhà máy Hưng Yên	7,477,448,057	3,968,969,700	53.08%	
1	Cải tạo nhà máy Hưng Yên	6,283,351,160	3,468,297,000	55.20%	
2	Trạm biến áp 620 KVA	1,194,096,897	500,672,700	41.93%	
TỔNG CỘNG		28,883,576,396	17,976,295,746	62,24%	

3. Các chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2022	2021
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,22	2,31
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,89	2,02
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	28,04%	27,37%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	38,97%	37,68%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	3,77	5,05
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Lần	0,56	0,63
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,87%	14,35%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	13,50%	12,67%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	9,61%	8,66%
4	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	19,28%	20,30%

4. Công tác hạch toán kế toán và báo cáo tài chính

- Công tác hạch toán kế toán được thực hiện thống nhất phù hợp với chế độ, các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập theo đúng quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Điều lệ Công ty, báo cáo tài chính được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định của Bộ Tài Chính, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, đồng thời phản ánh trung thực và đầy đủ các chỉ tiêu tài chính.

5. Sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban Điều hành

- Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát đưa ra những phân tích, đánh giá và khuyến nghị trên tinh thần hợp tác, trách nhiệm với Công ty;
- Ban Kiểm soát luôn chú trọng trao đổi, phối hợp đóng góp, kiến nghị đến HĐQT, Ban Điều hành thông qua các biên bản kiểm soát các Chi nhánh, phòng chức năng về những vấn đề trong quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh, các chính sách phát triển thị trường, đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách nhân sự quản lý. Các giải pháp đề xuất của Ban Kiểm soát đưa ra được HĐQT, Ban Điều hành ghi nhận và có nhiều đổi mới, cải tiến trong quản trị doanh nghiệp.
- Ban Kiểm soát tham gia ý kiến lựa chọn đối với Công ty kiểm toán độc lập Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam trong việc thực hiện soát xét báo cáo tài chính đối với Công ty niêm yết. Phối hợp chặt chẽ trong việc thảo luận cùng kiểm toán viên trong quá trình làm việc đúng quy định Điều lệ Công ty, cũng như Quy chế quản trị Công ty về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT.

6. Kết luận và kiến nghị

Năm 2022, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty, và pháp luật của Nhà nước có liên quan;

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét nghiêm túc những ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát và thực hiện các biện pháp hoàn thiện quy trình SXKD, các định mức kinh tế kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh, chế biến bảo quản và hạch toán kế toán.

Trân trọng!

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Thế Tỷ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) kiểm toán xác nhận.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được công bố thông tin theo quy định và đồng thời đăng tải trên trang web của Công ty (<http://ssc.com.vn>), bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022;
3. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022;

Trong đó, có một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu cơ bản	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng tài sản	526,95	
2	Doanh thu thuần	300,26	
3	Lợi nhuận trước thuế	63,74	
4	Lợi nhuận sau thuế	50,66	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

(v/v: báo cáo kết quả chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022
và phương án chi trả thù lao năm 2023)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2022:

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2021, biểu quyết thông qua thù lao chi trả cho HĐQT & BKS năm 2022 là 2% lợi nhuận sau thuế (LNST) của Báo cáo tài chính 2022;
- Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ lợi nhuận sau thuế.

BẢNG QUYẾT TOÁN THÙ LAO HĐQT & BKS NĂM 2022

(ĐVT: đồng)

TT	Chỉ tiêu thực hiện BCTC hợp nhất	Giá trị quyết toán	Tỷ lệ %	Thù lao
1	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch	62.708.789.152	2%	1.254.175.783
2	Lợi nhuận sau thuế thực hiện	50.665.037.887	2%	1.013.300.758
3	Số thù lao còn lại được hưởng			1.013.300.758
a	<i>Thù lao HĐQT và BKS không kiêm nhiệm</i>			840.578.561
b	<i>Thù lao HĐQT và BKS kiêm nhiệm</i>			172.722.197

II/ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT & BKS NĂM 2023:

Căn cứ kế hoạch SXKD, doanh thu và LNST năm 2023, với chỉ tiêu LNST là **51,47 tỷ đồng**. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023, dự kiến như sau:

- Tổng thù lao dự kiến chi trả cho HĐQT & BKS là **2% LNST**, tương ứng theo kế hoạch là **51,47 tỷ đồng x 2% = 1.029 triệu đồng**.
- Phương thức tạm ứng và quyết toán: Tạm ứng hàng tháng là 70% và quyết toán sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua.

3. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN & CỔ TỨC NĂM 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam kiểm toán xác nhận;

1. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2022: (ĐVT: VND)

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đ)	% LNST
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	50.665.037.887	100.0%
2	Phân phối lợi nhuận năm 2022	65.580.677.275	
a	Trích lập quỹ	11.652.958.714	23.0%
-	Quỹ đầu tư phát triển (15% * LN sau thuế)	7.599.755.683	15.0%
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8% * LN sau thuế)	4.053.203.031	8.0%
b	Thù lao HĐQT & BKS (không kiêm nhiệm)	840.578.651	1.7%
c	Cổ tức tiền mặt 40% vốn điều lệ (Đã trừ cổ phiếu quỹ)	53.087.140.000	104, 8%
	- LN phân phối năm 2022	38.171.500.612	75,3%
	- LN chưa phân phối các năm trước	14.915.639.388	
3	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022	0	0%

2. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
KẾ HOẠCH KINH DOANH, ĐẦU TƯ XDCB, MUA SẮM NĂM 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

TT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Doanh thu thuần	373,72
2	Lợi nhuận trước thuế	64,33
3	Lợi nhuận sau thuế	51,47

- 2. Kế hoạch cổ tức năm 2023:** Kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023 là 30% vốn điều lệ (đã trừ cổ phiếu quỹ).
- 3. Kế hoạch trích lập Quỹ Đầu tư phát triển năm 2023:** 15% lợi nhuận sau thuế.
- 4. Kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023:** 8% lợi nhuận sau thuế.
- 5. Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2023:**

TT	ĐẦU TƯ XDCB 2023	Kế hoạch (đ)	Nguồn vốn	Ghi chú
I	Chi nhánh Cờ Đỏ 1. Hệ thống chế biến hạt giống 15 tấn/h - Máy nén khí 2. Dây cáp kéo từ Trạm hạ thế đến hệ thống	811.944.000	Vốn chủ sở hữu	Thực hiện tiếp tục của Hợp đồng năm 2022 chuyển sang
II	Chi nhánh Lâm Hà 1. Nhà màng, hệ thống treo, bạt trái địa 2. Xây dựng đường, hồ chứa nước 3. Hệ thống tưới	3.876.178.504		Thực hiện tiếp tục của Hợp đồng năm 2022 chuyển sang
III	Chi nhánh Miền Trung 1. Cải tạo Chi nhánh 2. Lò sấy vĩ ngang (90 tấn/mẻ)	7.203.329.000		Thực hiện mới

TT	ĐẦU TƯ XDCB 2023	Kế hoạch (đ)	Nguồn vốn	Ghi chú
IV	Nhà máy chế biến hạt giống Hưng Yên <i>1. Cải tạo Nhà máy</i> <i>2. Trạm biến áp 620 KVA</i>	3.508.478.357		Thực hiện tiếp tục của Hợp đồng năm 2022 chuyển sang
TỔNG CỘNG		15.399.929.861		

✓ **Tổng giá trị đầu tư là: 15.399.929.861 đồng**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Ủy quyền lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022)

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC).
- Căn cứ Quyết định 89/2007/QĐ-BTC, ngày 24/10/2007 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế lựa chọn công ty kiểm toán được chấp thuận cho tổ chức phát hành tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán.

HDQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết **ủy quyền Ban Kiểm soát** lựa chọn một trong những công ty kiểm toán theo danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán các công ty niêm yết, để **kiểm toán báo cáo tài chính của SSC năm 2023** như sau:

1. CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

- Địa chỉ : 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

2. CÔNG TY TNHH ERNST&YOUNG VIỆT NAM

- Địa chỉ : 28th Floor, Bitexco Financial Tower 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

3. CÔNG TY TNHH KPMG Việt Nam

- Địa chỉ: Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh: Lầu 10, Tòa nhà Sunwah 115 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

4. CÔNG TY TNHH PRICEWATER HOUSECOOPERS VIỆT NAM (PWC)

- Địa chỉ: Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh, Tầng 4 – Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, quận 1, TP.HCM

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

(v/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025)

Kính gửi : Quý cổ đông Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 chấp thuận việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025, cụ thể như sau :

1. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Bùi Quang Sơn theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT, ngày 10/3/2023, hiệu lực kể từ ngày 10/3/2023, SSC đã công bố thông tin;
2. Đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2020-2025), đối với ông Nguyễn Quốc Phong, Phó Tổng Giám đốc Công ty được bầu cử theo Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT.

(Thông tin cá nhân Nguyễn Quốc Phong đính kèm trong tài liệu)

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

282 Lê Văn Sỹ – Quận Tân Bình – TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028.38442414- Fax : 028. 38442387

Email : southernseed@ssc.com.vn - Website : <http://www.ssc.com.vn>

THÔNG TIN CÁ NHÂN

I/ THÔNG TIN CÁ NHÂN:

1. Họ và tên : **NGUYỄN QUỐC PHONG**
2. Sinh ngày : 23/10/1981 Nam /Nữ : Nam
3. Nơi sinh : Bình Thuận
4. Nguyên quán : Quảng Bình
5. Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam Tôn giáo : Thiên chúa
6. Tình trạng hôn nhân: đã có gia đình
7. Hộ khẩu thường trú: Số 30C, đường 32, Khu phố 7, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.HCM
8. Điện thoại di động : 0909.683350
9. CCCD số : 060081009729 Ngày cấp: 13/08/2022, Nơi cấp : Cục CS & QL TTHC XH
10. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Nông Lâm
11. Trình độ ngoại ngữ : Anh văn giao tiếp
12. Trình độ vi tính: văn phòng Word – Excel – Power Point
13. Chứng chỉ/ bằng cấp đào khác :
 - Chiến lược Marketing;
 - HTQLCL ISO 9001 : 2000
 - Đánh giá nội bộ ISO 9001: 2000
 - 9 bước Marketing nhà nghề
 - Phòng trừ sâu bệnh & KT phân bón
 - Lập KH Kinh doanh
 - 4 vai trò của lãnh đạo
 - Marketing training
 - Nhận thức về Hệ thống kiểm soát nội bộ
 - Tập huấn nền tảng các công việc kinh doanh hạt giống cây trồng
 - ISO 9001:2008 - Standard Interpretation
 - Đo lường sự hài lòng khách hàng và sự hài lòng khách hàng trong ISO 9001:2008
 - Tập huấn các kỹ năng xúc tiến quảng bá bán hàng hiệu quả
 - Sâu bệnh hại thân trên bắp, lúa, rau - Bón phân trên bắp, lúa
 - Kỹ năng giao tiếp, chăm sóc khách hàng, thu hồi công nợ
 - Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đo lường hiệu suất để đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBNV



- Tập huấn kỹ năng quản lý hàng hóa, công nợ, Marketing và trao đổi về cơ chế lương
- Chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo dành cho quản lý cấp cao
- Lãnh đạo tạo đột phá, lãnh đạo truyền cảm ứng, lãnh đạo tạo gắn kết, lãnh đạo hướng đến hành động và tạo kết quả (Trường Đắc Nhân tâm);

14. Đơn vị công tác hiện nay : Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam

15. Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh kiêm Giám đốc Marketing

16. Đảng/Đoàn thể : Đoàn viên Công đoàn

17. Loại HĐLĐ : Không xác định thời hạn

18. Thời gian làm việc tại SSC : Từ ngày 03/05/2004 đến nay

19. Hình thức Ký luật : Không

II/ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC :

Thời gian

Đơn vị công tác

Chức vụ

05/2004 – 01/2009	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Nhân viên Kinh doanh – Phòng Kinh doanh
02/2009 – 09/2010	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Trưởng vùng Duyên hải Miền Trung – Phòng Kinh doanh
10/2010 – 03/2013	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Phó Trưởng Phòng Kinh doanh
04/2013 - 9/2015	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Quyền Giám đốc Kinh doanh
10/2015 - 02/2018	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Giám đốc Kinh doanh
3/2018 – 6/2020	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kiêm Giám đốc Kinh doanh
7/2020 – 7/2022	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Phát triển Hạt giống Rau Hoa (CTVS)
8/2022– nay	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kiêm Giám đốc Marketing

QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp có hiệu lực ngày 01/07/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC)

Điều 1 : Quy định chung – các nguyên tắc bầu cử

1. Việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo nguyên tắc trực tiếp, bỏ phiếu kín, đảm bảo đúng luật, đúng điều lệ, công bằng, công khai, theo tỷ lệ sở hữu cổ phần;
2. Người được đề cử để bầu vào HĐQT không nhất thiết là người nắm giữ cổ phần của Công ty và quyền đề cử, bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện ủy quyền. Kết quả bầu cử được tính theo số cổ phần hiện diện;
3. Các cổ đông và người đại diện nhóm cổ đông được ủy quyền nếu đủ điều kiện và hiện diện tại cuộc họp, đã đăng ký với Ban Tổ chức Đại hội đến giờ bầu cử đều được phát phiếu bầu cử tương ứng theo số cổ phần sở hữu và/hoặc số cổ phần được ủy quyền và có quyền tham gia bỏ phiếu;
4. Cổ đông có quyền chất vấn các vấn đề có liên quan tới cuộc bầu cử trước đại hội nếu thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 2 : Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

1. Số thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
2. Ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập không điều hành;
3. Số thành viên bầu bổ sung vào HĐQT là 01 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu bổ sung theo nhiệm kỳ của HĐQT còn lại;
4. Số lượng ứng viên được đề cử để bầu vào HĐQT phải đảm bảo **bằng hoặc nhiều hơn** số thành viên quy định cho HĐQT.

Điều 3 : Quy định đề cử bầu vào HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật;
3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử (hoặc ứng cử) để bầu vào HĐQT phải được gửi về cho Ban Tổ chức trước khi Đại hội được tổ chức.

Điều 4: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

Điều 5 : Phương thức bầu cử, phiếu bầu hợp lệ, không hợp lệ

1. Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
2. Danh sách ứng viên được đề cử bầu vào HĐQT (*kèm theo thông tin*) phải được công khai tại nơi tổ chức Đại hội hoặc đính kèm trong tài liệu Đại hội;
3. Phiếu bầu cử do Ban Kiểm phiếu in sẵn; có ghi danh sách các ứng cử viên, sắp xếp theo thứ tự ABC; có ghi tổng số phiếu bầu; có đóng dấu Công ty.
4. Cách thức bầu cử: Cổ đông nhận phiếu bầu, kiểm tra lại phiếu, chọn 01 người HĐQT trong số người được đề cử để bầu vào HĐQT. Mỗi cổ đông có quyền bỏ phiếu bầu cho HĐQT theo khoản 1 của Điều này.
5. Phiếu bầu cử hợp lệ là:
 - Phiếu bầu cử theo quy định tại khoản 3, không bị tẩy xóa và cạo sửa;
 - Phiếu bầu cử HĐQT: số người được bầu 01 người.
6. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Không đúng với nội dung khoản 1, khoản 2, khoản 3 của Điều này;
- Đối với phiếu bầu thành viên có nhiều hơn 01 ứng viên HĐQT thuộc danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu lớn hơn tổng số phiếu bầu được ghi trên phiếu;
- Phiếu không ký tên hoặc không ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền.

Điều 6 : Chủ tọa đoàn

1. Chủ tọa đoàn có trách nhiệm trình danh sách các ứng cử viên được đề cử vào HĐQT, đề ĐHĐCĐ thông qua; đề xuất số lượng và thành phần Ban kiểm phiếu để trình ĐHĐCĐ thông qua.
2. Kiểm tra và công bố kết quả bầu cử;
3. Giải quyết các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử.

Điều 7 : Ban Kiểm phiếu và phương thức kiểm phiếu

1. Thành viên Ban Kiểm phiếu là người không có tên trong danh sách đề cử hoặc ứng cử vào HĐQT;
2. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm: Kiểm tra hòm (thùng) phiếu, kiểm tra tính hợp lệ trên mỗi tờ phiếu có in tên các ứng viên do Ban Kiểm phiếu phát hành, kiểm tra lần lượt từng phiếu và ghi kết quả vào tờ kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu và cùng với Chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông.
3. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa đoàn phê chuẩn và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8 : Ứng viên trúng cử vào HĐQT

Ứng viên trúng cử vào HĐQT phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện cổ đông dự họp tại ĐHĐCĐ. Trường hợp có tỷ lệ bầu nhỏ hơn 65% thì Chủ tọa đoàn sẽ xin ý kiến của ĐHĐCĐ quyết định có tiếp tục bầu vòng thứ hai hoặc không tiến hành bầu cử nữa.

Điều 9: Quy chế bầu cử bổ sung HĐQT này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

HƯỚNG DẪN BẦU CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT

I/ NHẬN PHIẾU:

Mỗi cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT).

II/ CÁCH GHI PHIẾU BẦU CỬ:

- Việc bầu cử thành viên HĐQT được tiến hành theo phương thức bầu dồn phiếu với nguyên tắc trực tiếp, bỏ phiếu kín, đảm bảo đúng luật, đúng điều lệ, công bằng, công khai.
- Trên mỗi phiếu bầu cử có ghi danh sách 01 ứng viên HĐQT;
 - Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình bầu cho ứng viên HĐQT hoặc không bầu ứng viên;
 - Tổng số phiếu bầu cho ứng viên tín nhiệm (được chọn) phải thấp hơn hoặc bằng với tổng số phiếu bầu đã được ghi trên phiếu bầu.
- Phiếu bầu cử hợp lệ là:
 - Phiếu bầu cử theo mẫu in sẵn do Ban Kiểm phiếu phát ra có đóng dấu đỏ của SSC;
 - Phiếu bầu cử không được viết thêm nội dung nào khác và không bị tẩy xóa, cạo sửa bất kỳ nội dung nào in trên phiếu;
 - Việc ghi số cổ phần để bầu cho ứng viên (nếu có sai sót) có thể được sửa chữa (không tẩy xóa) nhưng phải ghi nhận lại số đã sửa chữa bằng chữ bên cạnh dù chỉ sửa 01 con số và phải ký tên.
- Phiếu bầu cử không hợp lệ là:
 - Không đúng với nội dung a, b, c của mục 3 ở trên;
 - Đối với phiếu bầu thành viên có nhiều hơn 01 ứng viên HĐQT thuộc danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu lớn hơn tổng số phiếu bầu được ghi trên phiếu;
 - Phiếu không ký tên hoặc không ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền.

III/ BỎ PHIẾU BẦU CỬ VÀO THÙNG

- Sau khi đã bỏ phiếu chọn ứng viên, cổ đông bỏ phiếu bầu cử HĐQT vào **thùng phiếu bầu**.

TM. BAN KIỂM PHIẾU

Số tham chiếu: 0011658554/22989953

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2020-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4171-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

01/03/2023

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		327.580.157.690	324.658.328.034
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	78.816.574.850	103.851.524.959
111	1. Tiền		19.816.574.850	27.851.103.042
112	2. Các khoản tương đương tiền		59.000.000.000	76.000.421.917
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		195.111.695.722	180.733.701.507
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	74.664.918.556	77.978.340.963
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	8.264.429.099	7.874.262.101
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.3	100.000.000.000	80.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5.4	13.741.877.582	16.325.319.087
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 5.2, 5.5	(1.559.529.515)	(1.444.220.644)
140	III. Hàng tồn kho	6	48.870.070.956	39.846.470.438
141	1. Hàng tồn kho		56.184.556.739	45.905.256.251
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.314.485.783)	(6.058.785.813)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.781.816.162	226.631.130
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	696.627.259	226.631.130
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	4.085.188.903	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		199.378.214.823	189.773.752.763
220	I. Tài sản cố định		86.351.022.384	70.882.007.011
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	40.083.522.722	24.240.403.035
222	Nguyên giá		166.026.577.691	143.166.736.396
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(125.943.054.969)	(118.926.333.361)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	46.267.499.662	46.641.603.976
228	Nguyên giá		55.042.809.344	54.649.059.344
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.775.309.682)	(8.007.455.368)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		7.733.244.604	12.539.862.018
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	7.733.244.604	12.539.862.018
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	99.000.000.000	99.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.349.764.000	3.349.764.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		99.000.000.000	99.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.349.764.000)	(3.349.764.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		6.293.947.835	7.351.883.734
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.082.528.892	2.340.706.763
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	3.425.302.713	4.225.060.741
268	3. Tài sản dài hạn khác		786.116.230	786.116.230
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		526.958.372.513	514.432.080.797

31
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		147.757.748.260	140.800.866.898
310	I. Nợ ngắn hạn		147.757.748.260	140.800.866.898
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	23.048.312.780	9.041.546.398
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	541.065.701	7.018.896.851
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.106.514.898	4.652.253.796
314	4. Phải trả người lao động		9.341.238.569	6.638.464.567
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	9.612.629.835	12.584.480.419
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	101.655.708.469	100.411.391.861
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	1.452.278.008	453.833.006
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		379.200.624.253	373.631.213.899
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	379.200.624.253	373.631.213.899
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
415	3. Cổ phiếu quỹ		(116.847.528.444)	(116.847.528.444)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		128.676.920.650	120.509.904.583
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		208.927.147.635	211.524.753.348
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		158.262.109.748	157.077.979.571
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		50.665.037.887	54.446.773.777
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		526.958.372.513	514.432.080.797


Ma Hoàng Kim Trang
Người lập


Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	315.301.343.206	325.973.216.529
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(15.033.030.338)	(15.531.519.736)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	300.268.312.868	310.441.696.793
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(184.404.356.853)	(201.399.141.118)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.863.956.015	109.042.555.675
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	6.655.959.482	14.555.046.356
22	7. Chi phí tài chính	19	(824.554.209)	(2.162.912.050)
25	8. Chi phí bán hàng	20, 21	(27.760.559.209)	(28.305.803.621)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20, 21	(36.028.575.057)	(30.113.497.823)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		57.906.227.022	63.015.388.537
31	11. Thu nhập khác	22	8.215.237.615	4.145.117.984
32	12. Chi phí khác	22	(2.381.813.801)	(1.249.400.191)
40	13. Lợi nhuận khác	22	5.833.423.814	2.895.717.793
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		63.739.650.836	65.911.106.330
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(12.274.854.921)	(11.863.795.906)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	(799.758.028)	399.463.353
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		50.665.037.887	54.446.773.777
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	3.512	3.774
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	3.512	3.774

Ma Hoàng Kim Trang
Người lập

Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		63.739.650.836	65.911.106.330
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8	9.510.962.808	9.963.773.487
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		1.371.008.841	(96.978.840)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(791.968)	(240.627)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	18.2, 22	(6.971.802.389)	(13.968.265.149)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		67.649.028.128	61.809.395.201
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(9.263.926.462)	19.174.198.323
10	Tăng hàng tồn kho		(10.279.300.488)	(2.546.435.438)
11	Tăng các khoản phải trả		4.678.357.941	2.990.817.955
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(211.818.258)	1.023.901.680
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(14.761.800.906)	(10.416.978.998)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.054.832.376)	(3.748.829.029)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		33.755.707.579	68.286.069.694
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang		(13.012.605.865)	(14.910.328.398)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		569.818.182	-
23	Tiền chi cho vay		(20.000.000.000)	(39.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	14.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức được nhận		13.440.221.027	3.726.170.010
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(19.002.566.656)	(36.184.158.388)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả	17.2	(39.788.883.000)	(19.861.488.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(39.788.883.000)	(19.861.488.450)

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(25.035.742.077)	12.240.422.856
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		103.851.524.959	91.610.861.476
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		791.968	240.627
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	78.816.574.850	103.851.524.959



Ma Hoàng Kim Trang
Người lập



Lâm Tuấn Lạc
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023